**NS:**

**ND:**

**BÀI 5 – NHỮNG TÌNH HUỐNG KHÔI HÀI**

**Tiết 61, 62: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRỢ TỪ, THÁN TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và xác định được trợ từ, thán từ.

- Nêu được chức năng của trợ từ, thán từ.

- Biết đặt câu có sử dụng trợ từ, thán từ.

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Phẩm chất:**

Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Luật chơi: GV sẽ phát cho HS phiếu tra từ. Khi nghe hiệu lệnh, GV sẽ đọc các từ, nhiệm vụ của HS là nhanh tay khoanh vào các từ giáo viên đọc.

Sau đó HS có nhiệm vụ ghép các từ thành câu có nghĩa. Bạn nào ghép thành câu đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chơi trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  - Trợ từ là những từ chuyên dùng để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá của người nói với người nghe hoặc với sự việc được nói đến trong câu  Ví dụ: những, có, chính, mỗi, đích, ngay, nhỉ, nhé, nha, nghen,...  Trợ từ không có vị trí cố định trong câu, có thể chia thành 2 loại trợ từ:  +Trợ từ nhấn mạnh (những, có, chính, mỗi, ngay) thường đứng trước các từ ngữ cần được nhấn mạnh.  + Trợ từ tình thái (tiểu từ tính thái) (à, ạ, nhỉ, nhé, nha, nghen, đấy, này,...) thường đứng ở đầu câu hoặc cuối cuối, có tác dụng tạo kiểu câu nghi vấn , câu khiến, câu cảm thán hoặc thể hiện thái độ đánh giá, tình cảm của người nói  - Thán từ là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Có thể chia thành hai loại thán từ:  + Thán từ bộc lộ cảm xúc (a, á, ô, ối, chà,...) dùng để bộc lộ các trạng thái tình cảm, cảm xúc (vui mừng, ngạc nhiên, đau đớn, sợ hãi,...)  + Thán từ gọi đáp (ơi, dạ, vâng, ừ....)  Thán từ thường đứng đầu câu và có khả năng tách ra tạo thành một câu đặc biệt. Khi sử dụng thán từ, người nói thường dùng theo ngữ điệu, cử chỉ, nét mặt tương ứng với tình cảm, cảm xúc mà thán từ biểu thị,... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc câu hỏi trong các bài tập, suy nghĩ cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài tập, suy nghĩ cá nhân, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  a, Thán từ: A  b, Trợ từ: những  c, Thán từ: Nhưng, chứ  **Bài tập 2:**  - Thán từ: Ớ này, ồ, ồ, Ô kìa  **-**Giải thích nghĩa: là từ chỉ cảm xúc bất ngờ.  - Chức năng: để bộc lộ cảm xúc, sự bất ngờ và dùng để gọi đáp.  **Bài tập 3:**  - Từ “mất” trong câu a1 và từ “kia” trong câu b1 là trợ từ  - Căn cứ: vì nó bổ sung nghĩa cho từ chết và từ lắm, nếu không có hai từ này thì câu vẫn được giữ nguyên.  **Bài tập 4:**  Các trợ từ được sử dụng:  a, ư  b, à  c, ạ  d, đến  = > Các trợ từ được sử dụng có tác dụng bổ nghĩa cho các danh từ, giúp mang lại hiệu quả truyền đạt thông tin và nhấn mạnh chủ đề được nhắc đến.  **Bài tập 5:**  - Thán từ:  + Ôi bông hoa này đẹp quá!  + Trời ơi, bức tranh này mới đẹp làm sao!  - Trợ từ:  + Người học giỏi môn Văn nhất lớp là bạn Hào  + Anh tớ là bác sĩ. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 9 câu (chủ đề tự do) trong đó có sử dụng ít nhất 2 trợ từ và 2 thán từ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS nộp bài vào tiết học ngày hôm sau, chấm điểm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn tự học:**

- Bài vừa học:

+ Nắm được các kiến thức: khái niệm, cách nhận biết, chức năng của trợ từ và thán từ.

- Bài sắp học: Chuẩn bị bài “Thuyền trưởng tài viễn phương”.

+ Tìm một số hành động kịch trong văn bản.

+ Thủ pháp trào phúng được sử dụng như thế nào trong văn bản?